

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 02/2021/KDTMST

Ngày 24- 9- 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Hoàng Đức Bảo và bà Lê Thị Thuý V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thuý, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án Nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLST- KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Tòa án Nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Lô 2B, 15 khu đô thị mới Mỹ Đ, Từ L, Th phố Hà N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức M, phó giám đốc Chi nhánh huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr; địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr (Văn bản ủy quyền số 136/QĐ-NHNoTP-TH ngày 07 tháng 5 năm 2020 của giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N Chi nhánh huyện Triệu Ph) - Có mặt.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T; địa chỉ: Số 73, đường Nguyễn H, Tiểu khu 2, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải S, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T - vắng mặt lần hai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tân V, sinh năm 1962 – vắng mặt lần thứ hai.
2. Bà Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm 1973 - vắng mặt lần thứ hai.
3. Ông Nguyễn Chí Nh, sinh năm 2000 - vắng mặt lần thứ hai.
4. Ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1997 - vắng mặt lần thứ hai.
5. Bà Trần Thị Ba By, sinh năm 1978- vắng mặt lần thứ hai.

Đều có nơi cư trú: Tiểu khu A , thị trấn Ái T , huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng

Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/9/2021 biên bản xác nhận dư nợ ngày 15/9/2021 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Triệu Ph(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 25/02/2016, Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/HĐTD với Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T (sau đây gọi tắt là Công ty Sơn T) để vay hạn mức tín dụng với số tiền là 3.500.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Chi phí Nh công, nguyên vật liệu thi công các công trình; thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng (ngày 25/02/2016 đến ngày 25/02/2017). Mức lãi suất là 7%/năm.

Ngày 14/9/2016, ký phụ lục hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/PLHĐTD thay đổi số tiền cho vay là 4.300.000.000 đồng;

Ngày 10/02/2017, ký phụ lục hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/PLHĐTD thay đổi số tiền cho vay là 3.700.000.000 đồng;

Dư nợ gốc tính đến ngày 24/9/2021 gồm tiền gốc là 2.049.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 918.233.674 đồng và tiền lãi quá hạn là 370.770.243 đồng.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng thế chấp xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại FORTE màu bạc, sản xuất năm 2012, biển kiểm soát 74A- 011.74, số khung 41M6CC029472, số máy G4FCBW463805; giá trị tài sản bảo đảm là 550.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm là 412.500.000 đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 07/11/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 26/01/2015.

Thế chấp xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING màu bạc, sản xuất năm 2010, biển kiểm soát 74H- 0088, số khung RNYSA2432ACOO7905, số máy G4HG9691150; giá trị tài sản bảo đảm là 250.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm là 187.500.000 đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 07/11/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 26/01/2015.

Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 190117902/HĐTC ngày 11/9/2015 thuộc quyền sở hữu của hộ ông Nguyễn Tân V và bà Nguyễn Thị Khánh V thế chấp diện tích 300,0m² đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 200m² tại tờ bản đồ số 5, thửa số 221, tại Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 033702 do Ủy ban Nh dân tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn số tiền 937.000.000 và nợ lãi.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, Công ty Sơn T không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo định kỳ được quy định trong hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/HĐTD ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/PLHĐTD ngày 10/02/2017 đã được ký kết nên các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc Công ty Sơn T nhưng

không nhận được sự hợp tác cũng như phản hồi của Công ty. Do Công ty Sơn T chậm thanh toán các khoản nợ vay đến hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Sơn T phải trả số nợ là: Tiền gốc: 2.049.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 918.233.674 đồng, tiền lãi quá hạn là 370.770.243 đồng; tổng cộng còn nợ gốc và lãi là: 3.338.003.917 đồng. Tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp Công ty Sơn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING màu bạc; xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING màu bạc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 07/11/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 26/01/2015; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 033702 tại tờ bản đồ số 5, thửa số 221, diện tích 300,0m² do Ủy ban Nh dân tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001 cho hộ ông Nguyễn Tân V để thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 190117902/HĐTC ngày 11/9/2015.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 và tại phiên tòa, Ngân hàng có đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện về thế chấp xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại FORTE màu bạc, sản xuất năm 2012, biển kiểm soát 74A- 011.74, số khung 41M6CC029472, số máy G4FCBW463805; giá trị tài sản bảo đảm là 550.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm là 412.500.000 đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 07/11/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 26/01/2015.

Thế chấp xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING màu bạc, sản xuất năm 2010, biển kiểm soát 74H- 0088, số khung RNYSA2432ACOO7905, số máy G4HG9691150; giá trị tài sản bảo đảm là 250.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm là 187.500.000 đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 07/11/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 26/01/2015.

Đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T (viết tắt là Công ty Sơn T) từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử thì ông Nguyễn Hải S là người đại diện theo pháp luật của Công ty không có mặt nơi cư trú nên Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với bà Trần Thị Ba B (vợ của ông S): từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử thì bà B không có mặt nơi cư trú nên Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với ông V, bà V(vợ ông V); ông Nh, ông Th (con ông V, bà V): Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V, bà V, ông Th và ông Nh không có bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án; vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải nên Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Triệu Phong phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335; khoản 1, 2,3 Điều 336; khoản 1 Điều 339; khoản 1 Điều 342; Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút về việc yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đối với 02 hợp đồng thế chấp tài sản cùng số 197013814/HĐTC ngày 07/11/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 26/01/2015 đối với xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại FORTE màu bạc, sản xuất năm 2012, biển kiểm soát 74A- 011.74, số khung 41M6CC029472, số máy G4FCBW463805 và xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING màu bạc, sản xuất năm 2010, biển kiểm soát 74H- 0088, số khung RNYSA2432ACOO7905, số máy G4HG9691150 của Công ty Sơn T.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam tính đến ngày 24/9/2021 với tổng số tiền là 3.338.003.917 đồng trong đó tiền gốc là 2.049.000.000 đồng và tiền lãi là 1.289.003.917 đồng. Tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng N.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên thì ông Nguyễn Tân V, bà Nguyễn Thị Khánh V phải thanh toán cho Ngân hàng N với tổng số tiền là 1.449.768.955 đồng trong đó tiền gốc là 937.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 358.247.214 đồng, tiền lãi quá hạn là 154.521.741 đồng.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T, ông Nguyễn Tân V, bà Nguyễn Thị Khánh V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Nguyễn Tân V và bà Nguyễn Thị Khánh V gồm: nhà ở diện tích 200m², gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 300,0m² tại tờ bản đồ số 5, thửa số 221 tại Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 033702, do Ủy ban Nh dân tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 190117902/HĐTC ngày 11/9/2015.

Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án Nh dân huyện Triệu Phong đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ba By không có mặt ở nơi cư trú nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tân V, bà Nguyễn Thị Khánh V, ông Nguyễn Trung Th và ông Nguyễn Chí Nh đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông V, bà V, ông Nh, ông Th không đến tham gia các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 16/7/2019, Tòa án đã gửi thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T, bà B, ông V, bà V, ông Nh, ông Th theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 23/8/2021, Tòa án Nh dân huyện Triệu Phong ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 07/9/2021 nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử ngày 24/9/2021. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ đều vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật để giải quyết: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Triệu Ph với Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T được ký kết trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Mặc dù, Hợp đồng vẫn đang thực hiện nhưng có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 Mục 5 Công văn 152/TANDTC - PC ngày 19/7/2017 của Tòa án Nh dân tối cao để áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án này.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Triệu Ph (gọi tắt là Ngân hàng) cho rằng: Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T (gọi tắt là Công ty Sơn T) trong quá trình

thực hiện hợp đồng tín dụng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Sơn T phải trả nợ tổng số tiền là 3.338.033.917 đồng trong đó tiền gốc là 2.049.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 918.233.674 đồng và tiền lãi quá hạn là 370.770.243 đồng. Tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng. Nếu Công ty Sơn T không thanh toán đủ số tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

[3.1.] Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/HĐTD ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 3910 – LAV-201600592/PLHĐTD ngày 10/02/2017 giữa Ngân hàng và Công ty Sơn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng vay tiền phù hợp với quy định tại Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự, nên cần xem xét để bảo vệ quyền lợi cho các bên đương sự. Khi giao kết hợp đồng vay tiền, cả hai bên đều thể hiện rõ mức lãi suất cho vay, kể cả lãi quá hạn; thời hạn phải thanh toán trong hợp đồng. Mặc dù, hợp đồng tín dụng có thời hạn vay là 12 tháng nhưng do Công ty Sơn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể là Công ty Sơn T không trả nợ đúng hạn mà các bên đã cam kết khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty Sơn T phải trả nợ nhưng Công ty Sơn T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Do đó, Công ty Sơn T đã vi phạm những điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận ký kết trong hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Công ty Sơn T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền gốc và lãi, cụ thể:

[3.1.1.] Đối với khoản tiền gốc: Theo Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/HĐTD ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 3910- LAV-201600592/PLHĐTD ngày 10/02/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng với Công ty Sơn T thì Công ty Sơn T thay đổi số tiền vay hạn mức tín dụng là 3.700.000.000 đồng. Công ty Sơn T đã nhận đủ số tiền giải ngân là 3.531.000.000 đồng tại 23 giấy nhận nợ gồm:

- Giấy nhận nợ số 3910LDS201601979 ngày 28/4/2016 nhận 200.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm, ngày quá hạn 29/4/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602302 ngày 17/5/2016 nhận 100.000.000 đồng lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm, ngày quá hạn 18/5/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602490 ngày 27/5/2016 nhận 211.900.000 đồng, lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm, ngày quá hạn 11/01/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602886 ngày 17/6/2016 nhận 200.100.000 đồng, lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm, ngày quá hạn 18/01/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602934 ngày 21/6/2016 nhận 85.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm, ngày quá hạn 25/01/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201604233 ngày 09/9/2016 nhận 150.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm, ngày quá hạn 11/4/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201604359 ngày 19/9/2016 nhận 200.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm, ngày quá hạn 20/5/2017;

- Giấy nhận nợ số 3910LDS201604565 ngày 30/9/2016 nhận 160.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm, ngày quá hạn 31/5/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201605011 ngày 28/10/2016 nhận 250.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm, ngày quá hạn 28/6/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201606341 ngày 30/12/2016 nhận 92.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm, ngày quá hạn 18/7/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201606356 ngày 30/12/2016 nhận 200.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm, ngày quá hạn 01/8/2017;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201606357 ngày 30/12/2016 nhận 200.000.000, lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm, ngày quá hạn 16/8/2017 đồng;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602323 ngày 18/5/2016 nhận 100.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602482 ngày 27/5/2016 nhận 210.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602896 ngày 17/6/2016 nhận 164.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602916 ngày 20/6/2016 nhận 107.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201602942 ngày 21/6/2016 nhận 220.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201603414 ngày 22/7/2016 nhận 120.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201603417 ngày 22/7/2016 nhận 120.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn 3,5%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201603434 ngày 25/7/2016 nhận 120.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201603459 ngày 26/7/2016 nhận 52.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201604185 ngày 07/9/2016 nhận 170.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm;
- Giấy nhận nợ số 3910LDS201604716 ngày 11/10/2016 nhận 99.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên Ngân hàng tính lãi suất 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 4,0%/năm;

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Sơn T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi với số tiền gốc là 1.482.000.000 đồng; dư nợ gốc là 2.049.000.000 đồng. Đến kỳ trả nợ theo hạn mức đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến nay, Công ty Sơn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo thời hạn đã thỏa thuận nên khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định Công ty Sơn T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử (24/9/2021) với số tiền dư nợ gốc là: 2.049.000.000 đồng

[3.1.2.] Đối với khoản tiền lãi: Theo bảng tính lãi do đại diện của nguyên đơn cung cấp, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2021) thì Công ty Sơn T còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền lãi là 1.289.003.917 đồng trong đó tiền lãi trong hạn là 918.233.674 và tiền lãi quá hạn là 370.770.243 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Công ty Sơn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/HĐTD ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng 3910- LAV-201600592/PLHĐTD ngày 10/02/2017 kèm theo là 23 giấy nhận nợ gồm:

3910LDS201601979 ngày 28/4/2016; 3910LDS201602302 ngày 17/5/2016;
 3910LDS201602490 ngày 27/5/2016; 3910LDS201602886 ngày 17/6/2016;
 3910LDS201602934 ngày 21/6/2016; 3910LDS201604233 ngày 09/9/2016;
 3910LDS201604359 ngày 19/9/2016; 3910LDS201604565 ngày 30/9/2016;
 3910LDS201605011 ngày 28/10/2016; 3910LDS201606341 ngày 30/12/2016;
 3910LDS201606356 ngày 30/12/2016; 3910LDS201606357 ngày 30/12/2016;
 3910LDS201602323 ngày 18/5/2016; 3910LDS201602482 ngày 27/5/2016;
 3910LDS201602896 ngày 17/6/2016; 3910LDS201602916 ngày 20/6/2016;
 3910LDS201602942 ngày 21/6/2016; 3910LDS201603414 ngày 22/7/2016;
 3910LDS201603417 ngày 22/7/2016; 3910LDS201603434 ngày 25/7/2016;
 3910LDS201603459 ngày 26/7/2016; 3910LDS201604185 ngày 07/9/2016; và
 3910LDS201604716 ngày 11/10/2016;

không được Ngân hàng gia hạn nợ gốc và đã bị Ngân hàng chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất trong hạn là 7%/ năm, 8%/năm và lãi suất quá hạn là 150%/năm trên dư nợ gốc bị quá hạn của từng giấy nhận nợ nói trên với tổng số tiền lãi là 1.289.003.917 đồng (trong đó: lãi trong hạn là 918.233.674 đồng và tiền lãi quá hạn là 370.770.243 đồng). Như vậy, sự thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn giữa Ngân hàng và Công ty Sơn T cũng như việc chuyển nợ đến hạn sang nợ quá hạn hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức Tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức Tín dụng theo quy định của pháp luật”, điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước V Nam quy định “Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Sơn T phải trả cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền là 3.338.003.917 đồng trong đó tiền gốc là 2.049.000.000 đồng; tiền

lãi trong hạn là 918.233.674 và tiền lãi quá hạn là 370.770.243 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Sơn T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng tín dụng số 3910 – LAV - 201600592/PLHĐTD ngày 10/02/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3.2.] Đối với hợp đồng thế chấp:

[3.2.1.] Xem xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi Toà án Nh dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án, ngày 04/5/2019 và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút nội dung khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đối với 02 hợp đồng thế chấp tài sản cùng số 197013814/HĐTC ngày 07/11/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản cùng số 197013814/HĐTC ngày 26/01/2015 đối với xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại FORTE màu bạc, sản xuất năm 2012, biển kiểm soát 74A- 011.74, số khung 41M6CC029472, số máy G4FCBW463805 và xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING màu bạc, sản xuất năm 2010, biển kiểm soát 74H- 0088, số khung RNYSA2432ACOO7905, số máy G4HG9691150 của Công ty Sơn T. Do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn.

[3.2.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh là ông Nguyễn Tân V, bà Nguyễn Thị Khánh V phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp Công ty Sơn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

- Về tính hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 190117902/HĐTC được ký kết ngày 11/9/2015 bao gồm: Bên nhận thế chấp là Ngân hàng (bên A); bên thế chấp (bên B) là ông Nguyễn Tân V và bà Nguyễn Thị Khánh V; bên được cấp tín dụng là Công ty Sơn T (bên C) nhằm bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Sơn T bằng hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 190117902/HĐTC ngày 11/9/2015 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tân V và bà Nguyễn Thị Khánh V thế chấp diện tích 300,0m² đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 200m² tại tờ bản đồ số 5, thửa số 221, tại Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 033702 do Ủy ban Nh dân tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn số tiền 937.000.000 và nợ lãi.

Mặc dù, Hợp đồng thế chấp nói trên ký ngày 11/9/2015 tức là trước thời điểm ký hợp đồng tín dụng (ngày 25/02/2016) giữa Ngân hàng và Công ty Sơn T nhưng tại Điều 2 của Hợp đồng thế hiện: *“Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó – nếu có) thế chấp cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bên C tại các Hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa bên A và bên C (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có) trong đó số tiền gốc là 937.000.000 đồng”*. Ngày 24/02/2016, ông V (chủ hộ), bà V (vợ ông V) và ông Th, ông Nh (đều

là con đẻ của ông V, bà V) đều ký xác nhận vào giấy cam kết “*đồng ý tự nguyện đem tài sản theo hợp đồng thế chấp nêu trên để tiếp tục đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty Sơn T cho tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty Sơn T theo đúng quy định của pháp luật*”.

Căn cứ vào sổ hộ khẩu của hộ ông Nguyễn Tân V thì vào thời điểm Ủy ban Nh dân tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2001) thì hộ ông Nguyễn Tân V chỉ có ông V là chủ hộ, không có thêm Th viên nào khác có tên trong sổ hộ khẩu.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001, bà Nguyễn Thị Khánh V, ông Nguyễn Trung Th và ông Nguyễn Chí Nh không được ghi tên trong sổ hộ khẩu của hộ ông Nguyễn Tân V nhưng ông Nguyễn Tân V và bà Nguyễn Thị Khánh V đã đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/1996. Theo kết luận tại công văn số 2617/UBND-TN ngày 12/6/2019 của Ủy ban Nh dân tỉnh Quảng Trị thể hiện: Thửa đất trên được Ủy ban tỉnh giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tân V trên cơ sở đơn xin giao đất của ông Nguyễn Tân V và bà Nguyễn Thị Khánh V (đơn ghi ngày 24/3/2001 và được Ủy ban Nh dân huyện Triệu Phong xác nhận ngày 23/7/2001). Quyết định giao đất cho hộ ông Nguyễn Tân V là đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Như vậy, bà Nguyễn Thị Khánh V là đồng sở hữu với quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông V.

Theo kết quả cung cấp của Công an thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thì: Năm 2008, hộ ông V có đăng ký hộ khẩu tạm trú tại Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử với 03 Nh khẩu gồm ông V là chủ hộ, ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1997 là con và ông Nguyễn Chí Nh, sinh ngày 05/6/2000 là con. Do đó, ông Nguyễn Trung Th và ông Nguyễn Chí Nh là con đẻ của ông V và bà V, có quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của Luật Hôn Nh và gia đình nhưng tại thời điểm được Nhà nước giao đất, ông Th và ông Nh không được ghi tên trong sổ hộ khẩu của hộ ông V, cũng không được ghi tên trong hồ sơ cấp đất cho hộ ông V nên ông Th và ông Nh không phải là đồng sở hữu đối với quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông V.

Mặc dù, ông Th và ông Nh không phải là đồng sở hữu đối với quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông V nhưng tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp ngày 11/9/2015, ông Nguyễn Trung Th đã đủ 18 tuổi có ký vào hợp đồng thế chấp, còn ông Nguyễn Chí Nh, sinh ngày 05/6/2000 chưa đủ 15 tuổi nên không tham gia ký hợp đồng. Ngày 24/02/2016, ông V, bà V, ông Th và ông Nh đều tự nguyện và thoả thuận ký tên vào bản cam kết đồng ý tự nguyện đem tài sản theo hợp đồng thế chấp nêu trên để tiếp tục đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty Sơn T cho tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty Sơn T nên thể hiện sự thống nhất của những người đang sống chung cùng với ông V và bà V tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp nêu trên được Văn phòng công chứng Đông Hà chứng thực ngày 11/9/2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị- Chi nhánh huyện Triệu Phong ngày 11/9/2015 nên hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty Sơn T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Tân V, bà Nguyễn Thị Khánh V phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.449.768.955 đồng trong đó tiền gốc là 937.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 358.247.214 đồng, tiền lãi quá hạn là 154.521.741 đồng; trường hợp Công ty Sơn T, ông V, bà V không thanh toán được tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp, bảo lãnh là tài sản của ông Nguyễn Tân V và bà Nguyễn Thị Khánh V, bao gồm: nhà ở diện tích 200m², gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 300,0m² tại tờ bản đồ số 5, thửa số 221 tại Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 033702, do Ủy ban Nh dân tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 190117902/HĐTC ngày 11/9/2015 để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 335; khoản 1, 2,3 Điều 336; khoản 1 Điều 339; khoản 1 Điều 342; Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

[4] Về chi phí tố tụng:

- Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.700.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Do đó, Công ty Sơn T phải chịu toàn bộ khoản chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chi phí thông báo, nhắc tin: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3000.000 đồng. Ngân hàng là người yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên Ngân hàng phải chịu chi phí này theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N nên Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 98.760.078 đồng [(72.000.000 đồng + (1.338.003.917 đồng x 2%)] theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 180, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335; khoản 1,2,3 Điều 336; khoản 1 Điều 339; khoản 1 Điều 342; Điều 463; khoản 1, 5 Điều

466; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010. Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút về việc yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đối với 02 hợp đồng thế chấp tài sản cùng số 197013814/HĐTC ngày 07/11/2013 và phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 197013814/HĐTC ngày 26/01/2015 đối với xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại FORTE màu bạc, sản xuất năm 2012, biển kiểm soát 74A- 011.74, số khung 41M6CC029472, số máy G4FCBW463805 và xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING màu bạc, sản xuất năm 2010, biển kiểm soát 74H- 0088, số khung RNYSA2432ACOO7905, số máy G4HG9691150 của Công ty Sơn T.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 3.338.003.917 đồng trong đó tiền gốc là 2.049.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 918.233.674 và tiền lãi quá hạn là 370.770.243 đồng theo 23 giấy nhận nợ cụ thể phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3910-LAV-201600592/HĐTD ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/PLHĐTD ngày 10/02/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/HĐTD ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201600592/PLHĐTD ngày 10/02/2017

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T không thanh toán được tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì ông Nguyễn Tân V và bà Nguyễn Thị Khánh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 1.449.768.955 đồng trong đó tiền gốc là 937.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 358.247.214 đồng, tiền lãi quá hạn là 154.521.741 đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 190117902/HĐTC ngày 11/9/2015.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T, ông Nguyễn Tân V, bà Nguyễn Thị Khánh V, không thanh toán được tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp, bảo lãnh là tài sản của ông Nguyễn Tân V, bà Nguyễn Thị Khánh V, bao gồm: nhà ở diện tích 200m², gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 300,0m² tại tờ bản đồ số 5, thửa số 221 tại Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 033702, do Ủy ban Nh dân tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001 theo hợp đồng thế chấp tài

sản số 190117902/HĐTC ngày 11/9/2015 đã được Văn phòng công chứng Đông Hà chứng thực ngày 11/9/2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện Triệu Phong ngày 11/9/2015.

2. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.700.000 đồng (*Chi phí này do Ngân hàng N – Chi nhánh Triệu Ph nộp*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc Ngân hàng N phải chịu 3000.000 đồng chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (*Chi phí này do Ngân hàng N – Chi nhánh Triệu Ph đã nộp đủ*).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một Th viên Sơn T phải chịu 98.760.000 đồng (đã làm tròn số) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.394.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004419 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (*tạm ứng án phí do Ngân hàng N – Chi nhánh Triệu Ph nộp*).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

Nguyễn Thị Lan Hương

1HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm Nh dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm Nh dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

